| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 93/2026/QĐST-HNGĐ | *Hưng Yên, ngày 21 tháng 7 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 418/2026/TLST-HNGĐ ngày 07/7/2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Hoàng Mỹ L, sinh năm 2002;

Đăn ký HKTT: Thôn  L, xã T, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: Thôn H(nay là thôn Q), xã T, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Trần Đức T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn  L, xã T, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Trần Đăng K, sinh ngày 01/3/2021;

+ Cháu Trần Minh T1, sinh ngày 28/7/2024;

Đăn ký HKTT: Thôn  L, xã T, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: Thôn H(nay là thôn Q), xã T, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu K, cháu T1: Anh Trần Đức T và chị Hoàng Mỹ L là bố mẹ đẻ của các cháu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]** *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Mỹ L và anh Trần Đức T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N(nay là UBND xã T), tỉnh Hưng Yên vào ngày 28/11/2020 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, đến khoảng đầu năm 2024, vợ chồng anh chị nảy

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con chung, lối sống, suy nghĩ giữa hai anh chị có sự khác biệt dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, sống với nhau không hoà hợp, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, vợ chồng không còn mục đích sống chung. Khoảng giữa năm 2025, hai anh chị sống ly thân nhau, mỗi người ở một nơi, không ai còn quan T hay liên lạc với nhau nữa. Đến nay, anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn, yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

**[2]** *Về con chung:* Chị Hoàng Mỹ L và anh Trần Đức T đều xác nhận, vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Đăng K, sinh ngày 01/3/2021 và cháu Trần Minh T1, sinh ngày 28/7/2024. Ly hôn, chị L và anh T thỏa thuận nhất trí giao cả hai cháu K và cháu T1 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 7/2026 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi. Chị L và anh T thỏa thuận, anh T không phải cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị L. Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

**[3]** *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác*: Chị Hoàng Mỹ L và anh Trần Đức T đều có chung quan điểm xác định, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4]** *Về lệ phí Tòa án:* Chị Hoàng Mỹ L và anh Trần Đức T thỏa thuận, chị L tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 13/7/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

**1.1**. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Mỹ L và anh Trần Đức T thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

**1.2.** *Về con chung*: Chị Hoàng Mỹ L và anh Trần Đức T đều xác nhận, vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Đăng K, sinh ngày 01/3/2021 và cháu Trần Minh T1, sinh ngày 28/7/2024. Ly hôn, chị L và anh T thỏa thuận nhất trí giao cả hai cháu K và cháu T1 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 7/2026 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi. Chị L và anh T thỏa thuận, anh T không phải cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị L. Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

*Vì quyền lợi của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn*

*chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.*

**1.3**. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác*: Chị Hoàng Mỹ L và anh Trần Đức T đều có chung quan điểm xác định, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** *Về lệ phí Tòa án*: Chị Hoàng Mỹ L và anh Trần Đức T thỏa thuận, chị L tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E/0000139 ngày 07/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị L đã nộp đủ lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận**:
*- Các đương sự;*
*- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;*
*- TAND tỉnh Hưng Yên;*
*- THADS tỉnh Hưng Yên;*
*- UBND xã T, GCNKH số 37/2020;*
*- Lưu hồ sơ.*

**THẨM PHÁN**

**Bùi Mạnh Quyền**